

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM  
(MECO JSC)

..... @ .....

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ 2 NĂM 2012

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán – Mẫu số B01-DN*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – Mẫu số B02-DN*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ – Mẫu số B03-DN*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính – Mẫu số B09-DN*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2012

### BÁO CÁO LẦN I

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>1,556,940,908,998</b>	<b>1,534,923,488,085</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>163,686,446,054</b>	<b>27,054,665,996</b>
1. Tiền	111	V.01	13,396,032,954	10,054,665,996
2. Các khoản tương đương tiền	112		150,290,413,100	17,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>114,052,854,174</b>	<b>247,877,371,500</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		114,854,446,894	252,786,119,380
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(801,592,720)	(4,908,747,880)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>487,733,187,990</b>	<b>588,341,640,648</b>
1. Phải thu khách hàng	131		315,061,677,520	388,633,868,127
2. Trả trước cho người bán	132		133,845,934,065	160,248,811,983
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	44,656,236,562	45,289,620,695
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(5,830,660,157)	(5,830,660,157)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>744,173,145,275</b>	<b>632,691,270,688</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.04	744,173,145,275	632,691,270,688
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>47,295,275,505</b>	<b>38,958,539,253</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		194,142,307	169,686,668
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,888,314,539	2,884,672,526
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		40,212,818,659	35,904,180,059
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>725,705,142,716</b>	<b>678,736,181,045</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>110,827,329,146</b>	<b>118,947,608,256</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	94,824,797,650	104,654,084,099
- Nguyên giá	222		235,421,961,839	236,454,488,035
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(140,597,164,189)	(131,800,403,936)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	956,705,182	1,422,413,860
- Nguyên giá	225		2,794,252,091	2,794,252,091

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1,837,546,909)	(1,371,838,231)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	25,438,324	33,434,992
- Nguyên giá	228		91,230,000	91,230,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(65,791,676)	(57,795,008)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	15,020,387,990	12,837,675,305
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>		-
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>614,608,476,070</b>	<b>559,518,472,789</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		101,295,904,492	100,844,137,138
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		412,783,287,956	357,783,287,956
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	109,375,324,939	109,375,324,939
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(8,846,041,317)	(8,484,277,244)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>269,337,500</b>	<b>270,100,000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	5,337,500	6,100,000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268		264,000,000	264,000,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>2,282,646,051,714</b>	<b>2,213,659,669,130</b>

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1,562,069,771,032</b>	<b>1,493,634,274,513</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,265,078,339,542</b>	<b>1,202,068,537,303</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	658,732,770,705	728,432,826,986
2. Phải trả cho người bán	312		182,131,603,859	116,772,240,866
3. Người mua trả tiền trước	313		186,072,637,800	119,218,861,694
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	9,589,364,895	7,906,089,153
5. Phải trả người lao động	315		6,997,886,296	7,930,174,322
6. Chi phí phải trả	316	V.17	23,362,873,494	12,776,908,983
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	185,587,241,383	196,159,424,189
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12,603,961,110	12,872,011,110
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>296,991,431,490</b>	<b>291,565,737,210</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333		84,039,289,000	87,099,805,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	210,161,793,936	201,774,568,711
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,558,297,191	1,418,554,370
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1,232,051,363	1,272,809,129
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			

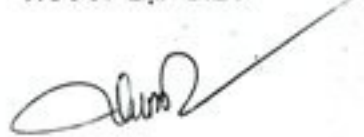
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		720,576,280,682	720,025,394,617
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	720,462,696,655	719,901,073,118
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		575,100,000,000	575,100,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		169,300,618,000	169,300,618,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(73,426,398,513)	(73,426,398,513)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			2,633,161,821
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		22,847,338,071	22,847,338,071
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,969,920,684	5,969,920,684
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20,671,218,413	17,476,433,055
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		113,584,027	124,321,499
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		113,584,027	124,321,499
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,282,646,051,714</b>	<b>2,213,659,669,130</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI KỶ	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1,017,354,182	1,017,354,182
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		129,899.42	1,893.50
- EUR		388.20	393.66
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

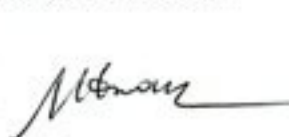
*Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012*

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NINH THỊ LUÂN

CHỦ TỊCH HĐQT




NGUYỄN NGỌC BÌNH

11/07/2012

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	486.634.087.680	335.735.069.401	818.931.924.707	688.617.055.734
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26			91.602.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10 = 01 - 02)	10	VI.27	486.634.087.680	335.735.069.401	818.840.322.707	688.617.055.734
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	476.993.579.401	330.609.967.539	804.728.706.444	652.747.319.212
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		9.640.508.279	5.125.101.862	14.111.616.263	35.869.736.522
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	17.073.194.305	28.714.421.047	38.933.336.714	47.252.057.374
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	24.002.562.599	39.001.324.228	46.068.679.343	57.719.588.387
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.734.918.045	19.939.093.984	49.801.034.789	38.099.767.283
8. Chi phí bán hàng	24		1.116.799.793	538.528.205	2.057.211.097	2.072.301.722
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.634.575.922	3.480.337.582	4.153.049.181	5.827.522.806
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	30		(1.040.235.730)	(9.180.667.106)	766.013.356	17.502.380.981
11. Thu nhập khác	31		3.823.419.800	27.483.076	3.834.091.791	29.348.894
12. Chi phí khác	32		766.485.344	0	766.485.344	472.474.253
13. Lợi nhuận khác	40		3.056.934.456	27.483.076	3.067.606.447	(443.125.359)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.016.698.726	(9.153.184.030)	3.833.619.803	17.059.255.622
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	492.604.176	(2.309.296.008)	638.834.445	4.591.807.270
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.524.094.550	(6.843.888.022)	3.194.785.358	12.467.448.352
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NINH THỊ LUẬN



Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH

20120725

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIẾN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2012

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯỠI KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b>I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>3,833,619,803</b>	<b>17,059,255,622</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			<b>46,021,547,723</b>	<b>64,832,334,183</b>
- Khấu hao TSCĐ	02		12,203,040,024	14,417,050,895
- Các khoản dự phòng	03		(3,745,391,087)	17,973,662,419
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12,237,136,003)	(5,658,146,414)
- Chi phí lãi vay	06		49,801,034,789	38,099,767,283
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>49,855,167,526</b>	<b>81,891,589,805</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		100,392,363,108	32,536,556,423
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(98,750,077,269)	20,242,623,614
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		136,876,865,729	45,875,726,159
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(23,693,139)	165,138,942
- Tiến lãi vay đã trả	13		(69,482,901,787)	(71,629,053,377)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1,576,113,212)	(10,603,774,568)
- Tiến thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		290,850,000	41,576,222,528
- Tiến chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5,409,267,703)	(57,765,647,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>112,173,193,253</b>	<b>82,289,382,526</b>
<b>II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiến chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	21		(4,845,210,217)	(6,465,387,974)
2. Tiến thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22		2,349,200,000	
3. Tiến chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(107,384,327,774)	
4. Tiến thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		239,009,660,900	
5. Tiến chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(55,451,767,354)	(40,515,612,647)
6. Tiến thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiến thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10,650,385,306	5,658,146,414
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>84,327,940,861</b>	<b>(41,322,854,207)</b>

10  
V  
P  
V  
T  
A

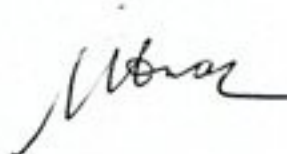
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b>III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(59,996,283,513)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		862,199,162,282	544,725,635,683
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(921,787,131,132)	(559,332,786,043)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(281,385,206)	(521,054,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(26,786,940,500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(59,869,354,056)</b>	<b>(101,911,428,373)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>136,631,780,058</b>	<b>(60,944,900,054)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>27,054,665,996</b>	<b>363,239,724,867</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>163,686,446,054</b>	<b>302,294,824,813</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NINH THỊ LUÂN

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012

CHỦ TỊCH HĐQT




NGUYỄN NGỌC BÌNH

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**
  - Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m<sup>3</sup>/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
  - Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đập mới, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
  - Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
  - Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
  - Kinh doanh bất động sản;
  - Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
  - Khoan phục vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
  - Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
  - Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
  - Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
  - Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
  - Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mô địa chất



và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

**4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp**

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính 2012 là năm tài chính thứ 7 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang công ty cổ phần.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ theo chương trình kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

**4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh to việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 50
Máy móc và thiết bị	7 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản cố định khác	4 – 6

**13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá sổ dư vào đầu năm sau.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD

27.044 VNĐ/EUR

**15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và nguyên tắc xác định giá vốn**

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Đối với hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng: doanh thu được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Đối với hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ

#### *Giá vốn*

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

#### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ****V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

		Đơn vị tính: VND	
		Cuối kỳ	Đầu năm
<b>1- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
- Tiền mặt		3,144,931,962	2,751,565,665
- Tiền gửi ngân hàng		10,251,100,992	7,303,100,331
- Tiền đang chuyển			
- Các khoản tương đương tiền		150,290,413,100	17,000,000,000
<b>Cộng</b>		<b>163,686,446,054</b>	<b>27,054,665,996</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:</b>		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
		<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn			7,470,119,120
+ Cổ phiếu Cty CP ĐT&PT ĐT Long Giang			
+ Cổ phiếu Cty CP Cơ điện lạnh	410,000	7,127,869,120	770,000
+ Cổ phiếu Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội	39,693	342,250,000	39,693
- Tiền gửi có kỳ hạn		107,384,327,774	239,009,660,900
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(801,592,720)	(4,908,747,880)
<b>Cộng</b>		<b>114,052,854,174</b>	<b>247,877,371,500</b>
<b>3- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải thu về cổ phần hoá			
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia			
- Phải thu người lao động			
- Phải thu khác:		44,656,236,562	45,289,620,695
<b>Cộng</b>		<b>44,656,236,562</b>	<b>45,289,620,695</b>
<b>4- Hàng tồn kho</b>		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Hàng mua đang đi trên đường		28,418,593,930	27,090,858,250
- Nguyên liệu, vật liệu		4,404,273	4,404,273
- Công cụ, dụng cụ		610,836,337,709	535,657,668,777
- Chi phí SX, KD dở dang		94,598,520	94,614,120
- Thành phẩm		104,700,691,548	69,725,205,973
- Hàng hóa		118,519,295	118,519,295
- Hàng gửi đi bán			
- Hàng hoá kho bảo thuế			
- Hàng hoá bất động sản			
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>		<b>744,173,145,275</b>	<b>632,691,270,688</b>
<b>5- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Thuế GTGT còn được khấu trừ		6,888,314,539	2,884,672,526
- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước			
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp			
+ Thuế GTGT			
<b>Cộng</b>		<b>6,888,314,539</b>	<b>2,884,672,526</b>
<b>6- Phải thu dài hạn nội bộ</b>		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Cho vay dài hạn nội bộ			
- Phải thu dài hạn nội bộ khác			
<b>Cộng</b>			
<b>7. Phải thu dài hạn khác</b>		<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		264,000,000	264,000,000
- Các khoản tiền nhận uỷ thác			
- Cho vay không có lãi			
- Phải thu dài hạn khác			
<b>Cộng</b>		<b>264,000,000</b>	<b>264,000,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ****8- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	24,483,268,375	166,562,572,205	43,647,076,601	1,761,570,854		236,454,488,035
- Mua trong kỳ			2,643,458,443	19,039,089		2,662,497,532
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		(1,304,761,905)	(2,390,261,823)			(3,695,023,728)
- Giảm khác						
<i>30/06/2012</i>	24,483,268,375	165,257,810,300	43,900,273,221	1,780,609,943		235,421,961,839
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>	3,355,107,294	100,037,216,223	26,833,987,463	1,574,092,956		131,800,403,936
- Khấu hao trong kỳ	648,661,424	8,475,890,137	2,519,041,422	85,741,695		11,729,334,678
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		(1,304,761,905)	(1,627,812,520)			(2,932,574,425)
- Giảm khác						
<i>30/06/2012</i>	4,003,768,718	107,208,344,455	27,725,216,365	1,659,834,651		140,597,164,189
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ HH</b>						
- Tại ngày đầu năm	21,128,161,081	66,525,355,982	16,813,089,138	187,477,898		104,654,084,099
- 30/06/2012	20,479,499,657	58,049,465,845	16,175,056,856	120,775,292		94,824,797,650

**9- Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	PTVT truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>			2,794,252,091			2,794,252,091
- Thuê tài chính trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
<i>30/06/2012</i>			2,794,252,091			2,794,252,091
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>			1,371,838,231			1,371,838,231
- Khấu hao trong kỳ			465,708,678			465,708,678
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
<i>30/06/2012</i>			1,837,546,909			1,837,546,909
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC</b>						
- Tại ngày đầu năm			1,422,413,860			1,422,413,860
- 30/06/2012			956,705,182			956,705,182

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:

- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm:

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ

**10- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Phần mềm Website	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>		14,000,000		43,250,000	33,980,000	91,230,000
- Mua trong kỳ						
- Tặng khác						
- Thanh lý, nhượng bán						
<i>30/06/2012</i>		14,000,000		43,250,000	33,980,000	91,230,000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<i>Số dư đầu năm</i>		3,111,111		43,250,000	11,433,897	57,795,008
- Khấu hao trong kỳ		2,333,334			5,663,334	7,996,668
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
<i>30/06/2012</i>		5,444,445		43,250,000	17,097,231	65,791,676
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ VH</b>						
- Tại ngày đầu năm		10,888,889			22,546,103	33,434,992
- 30/06/2012		8,555,555			16,882,769	25,438,324

**11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

- Chi phí XDCB dở dang

Trong đó: Những công trình lớn:

Mua sắm TSCĐ

Dự án khu đất 3ha Văn Lâm - Hưng Yên

Dự án khu đô thị MECO - CITY

**Cuối kỳ**

15,020,387,990

**Đầu năm**

12,837,675,305

1,223,229,426

159,593,062

13,689,854,024

12,570,777,703

107,304,540

107,304,540

**12- Tăng, giảm bất động sản đầu tư:**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
<b>Giá trị còn lại BĐS đầu tư</b>				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				

**13- Đầu tư dài hạn khác****a. Đầu tư vào công ty con**

+ Công ty CP Đầu tư thủy điện An Pha

+ Công ty CP Đầu tư và PT Điện MECO

+ Công ty CP Thủy điện Thác Xăng

+ Công ty CP khoáng sản MECO

+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Văn Lâm

**Cộng****Cuối kỳ****Số lượng****Giá trị**

5,196,964

51,969,639,596

1,823,354

18,533,538,443

1,647,587

16,475,872,946

626,877

6,268,770,554

8,048,082,953

101,295,904,492

**Đầu năm****Số lượng****Giá trị**

5,190,962

51,909,621,285

1,818,810

18,488,096,353

1,625,095

16,250,950,660

614,739

6,147,385,887

8,048,082,953

100,844,137,138

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ**

<b>b. Đầu tư vào công ty liên doanh liên kế</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
+ Công ty CP Thủy điện Văn Chấn	19,000,000	231,334,577,956	13,500,000	176,334,577,956
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình	224,147	2,241,470,000	224,147	2,241,470,000
+ Công ty CP XD TL MECO Sài Gòn	420,724	4,207,240,000	420,724	4,207,240,000
+ BQL DA khu đô thị phía đông huyện Văn Giang		175,000,000,000		175,000,000,000
<b>Cộng</b>		<b>412,783,287,956</b>		<b>357,783,287,956</b>

<b>c. Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>		<b>Đầu năm</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị</b>
- Đầu tư cổ phiếu				
- Đầu tư trái phiếu		47,057,500,000		47,057,500,000
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu				
- Đầu tư dài hạn khác		62,317,824,939		62,317,824,939
<b>Cộng</b>		<b>109,375,324,939</b>		<b>109,375,324,939</b>

<b>14- Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Chi phí di dời TSCĐ		
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	5,337,500	6,100,000
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
<b>Cộng</b>	<b>5,337,500</b>	<b>6,100,000</b>

<b>15- Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Vay ngắn hạn	652,549,360,625	716,584,293,928
- Nợ dài hạn đến hạn trả	6,183,410,080	11,848,533,058
<b>Cộng</b>	<b>658,732,770,705</b>	<b>728,432,826,986</b>

<b>16- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Thuế GTGT	783,031,304	839,171,731
- Thuế xuất, nhập khẩu	2,405,634,000	
- Thuế TNDN	6,057,972,312	6,995,251,079
- Thuế TNCN	170,260,811	37,799,875
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	153,303,911	14,703,911
- Các loại thuế khác	19,162,557	19,162,557
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
<b>Cộng</b>	<b>9,589,364,895</b>	<b>7,906,089,153</b>

<b>17- Chi phí phải trả</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Chi phí phải trả	23,362,873,494	12,776,908,983
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1,558,297,191	1,418,554,370
<b>Cộng</b>	<b>24,921,170,685</b>	<b>14,195,463,353</b>

<b>18- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Bảo hiểm xã hội	810,831,819	850,824,578
- Bảo hiểm thất nghiệp	89,241,456	51,822,212
- Kinh phí công đoàn	810,831,819	880,424,078
- Phải trả về cổ phần hoá	588,420,000	588,420,000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	183,287,916,289	193,787,933,321
<b>Cộng</b>	<b>185,587,241,383</b>	<b>196,159,424,189</b>

<b>19- Phải trả dài hạn nội bộ</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Phải trả dài hạn nội bộ về cấp vốn		
- Vay dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		
<b>Cộng</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ**

20- Vay và nợ dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
a- Vay dài hạn		
- Vay ngân hàng	159,947,332,602	150,460,107,377
- Vay đối tượng khác		
- Trái phiếu phát hành	49,800,000,000	50,900,000,000
b- Nợ dài hạn		
- Thuê tài chính	414,461,334	414,461,334
- Nợ dài hạn khác		
<b>Cộng</b>	<b>210,161,793,936</b>	<b>201,774,568,711</b>

\* Giá trị trái phiếu có thể chuyển đổi: 49,800,000,000 VNĐ

\* Thời hạn thanh toán trái phiếu: Hạn thanh toán cuối cùng vào ngày 16/06/2012

- Các khoản nợ thuê tài chính

	30/06/2012			Năm trước		
	Tổng khoản t.toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc	Tổng khoản t.toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Trả nợ gốc
Dưới 1 năm						
Từ 1-5 năm	382,954,911	101,569,705	281,385,206	1,182,353,633	303,865,633	878,488,000
Trên 5 năm						

**21- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

a- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước		

**Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

b- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Khoản hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ****22- Vốn chủ sở hữu**

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>Số dư đầu năm trước</b>	546,000,000,000	169,300,618,000	683,345,117		20,772,835,059	3,945,599,439		43,839,237,520	784,541,635,135
- Tăng vốn trong năm trước								8,706,157,282	8,706,157,282
- Lãi trong năm trước								(8,097,284,980)	(4,048,642,490)
- Trích lập các quỹ					2,024,321,245	2,024,321,245			29,100,000,000
- Tăng từ trái phiếu chuyển đổi	29,100,000,000								(73,426,398,513)
- Mua lại cổ phiếu quỹ				(73,426,398,513)					
- Đánh giá số dư các TK có gốc ngoại tệ			1,949,616,704						1,949,616,704
- Tăng quỹ ĐTPT từ thuế TNDN được miễn giảm					50,181,767			(50,181,767)	
- Chia cổ tức								(26,921,495,000)	(26,921,495,000)
<b>Số dư cuối năm trước - Số dư đầu năm nay</b>	575,100,000,000	169,300,618,000	2,633,161,821	(73,426,398,513)	22,847,338,071	5,969,920,684		17,476,433,055	719,901,073,118
- Tăng vốn trong kỳ								3,194,785,358	3,194,785,358
- Lãi trong kỳ									
- Tăng quỹ ĐTPT từ thuế TNDN được miễn giảm									
- Mua lại cổ phiếu quỹ									
- Lỗ trong kỳ									
- Đánh giá số dư các TK có gốc ngoại tệ			(2,633,161,821)						(2,633,161,821)
<b>Số dư 30/06/2012</b>	575,100,000,000	169,300,618,000		(73,426,398,513)	22,847,338,071	5,969,920,684		20,671,218,413	726,462,696,655

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Thặng dư vốn cổ phần

**Cộng****Cuối kỳ****Đầu năm**

575,100,000,000 575,100,000,000

169,300,618,000 169,300,618,000

**744,400,618,000 744,400,618,000**

\* Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm:

\* Số lượng cổ phiếu quỹ 5,460,000 CP

c- Các giao dịch về vốn đối với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp tăng trong năm

+ Vốn góp giảm trong năm

+ Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

**Năm nay****Năm trước**

575,100,000,000 546,000,000,000

29,100,000,000

575,100,000,000 575,100,000,000

(26,921,495,000)

d- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường:

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ**

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>d- Cổ phiếu</b>		
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57,510,000	57,510,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57,510,000	57,510,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	57,510,000	57,510,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	5,460,000	5,460,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5,460,000	5,460,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52,050,000	52,050,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	52,050,000	52,050,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

\* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:* 10.000đ/CP

	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>e- Quỹ khác của doanh nghiệp</b>		
- Quỹ đầu tư phát triển	22,847,338,071	22,847,338,071
- Quỹ dự phòng tài chính	5,969,920,684	5,969,920,684
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
<b>Cộng</b>	<b>28,817,258,755</b>	<b>28,817,258,755</b>

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được hạch toán trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán khác

<b>23- Nguồn kinh phí</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	113,584,027	124,321,499

<b>24- Tài sản thuê ngoài</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
1- Giá trị tài sản thuê ngoài		
- TSCĐ thuê ngoài		
- Tài sản khác thuê ngoài		
2- Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không hủy ngang theo các thời hạn		
- Đến 1 năm		
- Trên 1-5 năm		
- Trên 5 năm		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ****VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Q2/2012</b>	<b>Q2/2011</b>
<b>25- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)</b>	<b>486.634.087.680</b>	<b>335.735.069.401</b>
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	439.882.356.893	287.767.314.358
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.645.159.528	5.630.805.378
- Doanh thu hoạt động kinh doanh BĐS		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	43.106.571.259	42.336.949.665
+ Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ	43.106.571.259	42.336.949.665
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính		
	<b>Q2/2012</b>	<b>Q2/2011</b>
<b>26- Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)</b>		
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại		
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt		
+ Thuế xuất khẩu		
	<b>Q2/2012</b>	<b>Q2/2011</b>
<b>27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)</b>	<b>486.634.087.680</b>	<b>335.735.069.401</b>
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần trao đổi hàng hóa	439.882.356.893	287.767.314.358
+ Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	3.645.159.528	5.630.805.378
+ Doanh thu thuần kinh doanh BĐS		
+ Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	43.106.571.259	42.336.949.665
	<b>Q2/2012</b>	<b>Q2/2011</b>
<b>28- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)</b>		
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	434.285.110.198	283.798.108.045
- Giá vốn xây dựng	40.168.279.682	43.019.298.883
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.540.189.521	3.792.560.611
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư đã bán		
- Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư		
- Hao hụt, mất mát hàng tồn kho		
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>476.993.579.401</b>	<b>330.609.967.539</b>
<b>29- Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Q2/2012</b>	<b>Q2/2011</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.483.894.950	12.338.796.404
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	2.120.208.333	2.172.839.646
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	46.282.023	84.000.000
- Lãi kinh doanh chứng khoán	292.660.640	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Lãi bán hàng trả chậm	6.130.148.359	14.118.784.997
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>17.073.194.305</b>	<b>28.714.421.047</b>
<b>30- Chi phí tài chính</b>	<b>Q2/2012</b>	<b>Q2/2011</b>
- Lãi tiền vay	27.734.918.045	19.939.093.984
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Chi phí giao dịch chứng khoán	11.392.500	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.643.141	1.088.567.825
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(3.745.391.087)	17.973.662.419
- Chi phí phát hành trái phiếu		
<b>Cộng</b>	<b>24.002.562.599</b>	<b>39.001.324.228</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ**

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ**

<b>31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)</b>	<b>Q2/2012</b>	<b>Q2/2011</b>
Thuế suất thuế TNDN là 25%		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.016.698.726	(9.153.184.030)
Trong đó		
+ Hoạt động kinh doanh bất động sản		
+ Hoạt động xây lắp và các hoạt động khác	2.016.698.726	(9.153.184.030)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(46.282.023)	(84.000.000)
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(46.282.023)	(84.000.000)
- Tổng thu nhập chịu thuế	1.970.416.703	(9.237.184.030)
- Thuế TNDN dự tính phải nộp	492.604.176	(2.309.296.008)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh cho các kỳ trước		
- Thuế TNDN phải nộp	492.604.176	(2.309.296.008)
<b>32. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại (Mã số 52)</b>	<b>Q2/2012</b>	<b>Q2/2011</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		

**VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

34. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	<b>Q2/2012</b>	<b>Q2/2011</b>
a. Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu		29.100.000.000
b. Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo		
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý		
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền		
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý		
- Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ		
c. Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.		

**VIII. Những thông tin khác**

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3- Thông tin về các bên liên quan

# CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102 Trường Chinh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ

Quý 2 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính công ty mẹ

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)

6- Thông tin về hoạt động liên tục

7- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong Quý 2 năm 2012 so với cùng kỳ năm 2011. Cụ thể lợi nhuận sau thuế đã tăng 8,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái.

Nguyên nhân chủ yếu của việc chênh lệch trên là do trong báo cáo tài chính công ty mẹ Quý 2 năm 2011 thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2011.

NGƯỜI LẬP BIỂU

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NINH THỊ LUÂN

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2012

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH